

HOSE

26/03/2014

VNINDEX 588.05 -13.80 -2.29%

 KLGD 259,085,060 CP
 GTGD 4,309.56 Tỷ
 GTR NDTNN 46.59 Tỷ

 CP Tăng giá 55 CP
 CP Giảm giá 202 CP
 CP Đứng giá 47 CP


HNX

26/3/2014

HNXINDEX 89.79 -1.33 -1.46%

 KLGD 160,393,670 CP
 GTGD 1,839.89 Tỷ
 GTR NDTNN 47.21 Tỷ

 CP Tăng giá 82 CP
 CP Giảm giá 203 CP
 CP Đứng giá 94 CP


VN30 & HNX30 INDEX

 VN30 664.87 -17.88 -2.62%
 HNX30 183.50 -3.26 -1.74%

Tâm điểm

► **Lực bán tháo xuất hiện, chỉ số 2 sàn giảm điểm mạnh**

► **Thanh khoản thị trường gia tăng khá mạnh trong phiên hôm nay**
 Tổng giá trị giao dịch đạt mức khoảng 6,100 tỷ đồng.

► **Chỉ số sản xuất công nghiệp quý I /2014 tăng 5.2%**

Trong khi, mức tăng chỉ số sản xuất công nghiệp cùng kỳ năm trước là 4.9%
 Thời báo Ngân hàng

► **3 tháng đầu năm thu hút FDI giảm 49.6% so với cùng kỳ 2013**

Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê
 Thời báo Ngân hàng

► **Quý 1: Xuất khẩu nông lâm thủy sản đạt 6.9 tỷ USD, tăng 9.4%**

Theo báo cáo vừa được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn công bố ngày 25/3
 Người Đồng Hành

► **VC9: Kế hoạch lãi ròng năm 2014 tăng trưởng 41%**

VC9 đạt mục tiêu doanh thu thuần đạt 784.7 tỷ đồng, giảm 9% so với năm 2013
 Công Lý

► **DQC: Lợi nhuận sau kiểm toán tăng 24.48 tỷ đồng**

Mức lợi nhuận trước khi kiểm toán của DQC là 96.78 tỷ đồng
 Người Đồng Hành

Thị trường / Ngành

Vốn hóa (tỷ)

P/E

P/B

ROE

ROA

Theo thị trường

Thị trường	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,061,949	14.5	3.1	22.3%	11.1%
HNX	142,636	22.4	1.7	8.2%	3.7%
Toàn bộ thị trường	1,204,585	15.6	3.0	21.2%	10.3%

Theo ngành

Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Nhựa, cao su & sợi	8,029	7.0	1.0	15.9%	10.4%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	24,322	8.2	1.9	24.3%	18.0%
Thép và sản phẩm thép	34,740	17.9	1.9	17.3%	6.9%
Khai khoáng	12,892	47.5	4.8	3.6%	2.8%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	22,455	22.0	1.6	14.6%	8.6%
Xây dựng	35,639	47.4	1.4	0.3%	1.1%
Máy công nghiệp	9,696	9.4	1.5	21.3%	12.8%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,013	13.2	1.6	17.0%	12.3%
Lốp xe	7,358	9.1	2.5	30.1%	13.7%
Nuôi trồng nông & hải sản	14,493	14.2	1.3	11.2%	5.4%
Thực phẩm	215,682	24.1	5.6	24.3%	18.2%
Dược phẩm	16,782	13.5	3.6	26.7%	17.3%
Phần mềm	19,480	12.0	2.6	23.6%	10.0%
Sản xuất & phân phối điện	23,873	7.9	1.3	18.7%	9.1%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	164,965	12.6	4.6	39.9%	25.2%
Bảo hiểm nhân thọ	32,118	29.3	2.7	9.0%	2.2%
Môi giới chứng khoán	28,445	26.5	1.6	6.8%	5.0%
Ngân hàng	276,828	12.4	1.4	11.6%	0.9%
Bất động sản	157,624	16.2	3.1	27.9%	6.0%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	37,991	10.0	2.0	21.3%	8.1%

Thống kê thị trường

- HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Chỉ số sản xuất công nghiệp quý I /2014 tăng 5.2%

3 tháng đầu năm thu hút FDI giảm 49.6% so với cùng kỳ 2013

Quý 1: Xuất khẩu nông lâm thủy sản đạt 6.9 tỷ USD, tăng 9.4%

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

FMC: Đạt kế hoạch lãi 350 tỷ đồng năm 2014

VC9: Kế hoạch lãi ròng năm 2014 tăng trưởng 41%

DQC: Lợi nhuận sau kiểm toán tăng 24.48 tỷ đồng

► Tin kinh tế

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nhìn chung sản xuất công nghiệp 3 tháng đầu năm 2014 tăng so với cùng kỳ năm 2013. Ngành công nghiệp chế biến chế tạo tiếp tục giữ mức tăng trưởng khá. Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tuy giảm nhiều so với mức tăng của cùng thời điểm năm trước, nhưng còn ở mức cao. Cụ thể, tháng 3/2014 chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 16.9% so với tháng 2/2014 và tăng 4.7% so với cùng kỳ năm 2013. Lũy kế Quý I năm 2014 chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 5.2%, cao hơn mức tăng 4.9% cùng kỳ năm trước.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính từ đầu năm đến 20-3, Việt Nam thu hút được 252 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 2.045 tỷ USD, giảm 6% về số dự án và giảm 38.6% về số vốn so với cùng kỳ năm 2013; có 82 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước được cấp vốn bổ sung với 1.29 tỷ USD. Như vậy tổng vốn đăng ký của các dự án cấp mới và vốn cấp bổ sung đạt 3.334 tỷ USD, giảm 49.6% so với cùng kỳ năm 2013. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giải ngân Q1.2014 ước tính đạt 2.85 tỷ USD, tăng 5.6% so với cùng kỳ năm 2013.

Theo báo cáo vừa được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn công bố ngày 25/3, kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản của Việt Nam trong tháng 3 ước đạt 2.64 tỷ USD, đưa giá trị xuất khẩu của cả quý 1 lên 6.9 tỷ USD, tăng 9.4% so với cùng kỳ năm 2013. Cụ thể, giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt 3.35 tỷ USD, giảm 1.6% so với cùng kỳ năm 2013, trong khi xuất khẩu thủy sản ước đạt 1.61 tỷ USD, tăng 35%, còn xuất khẩu các mặt hàng lâm sản chính ước đạt 1.47 tỷ USD, tăng 19.6%.

► Tin doanh nghiệp

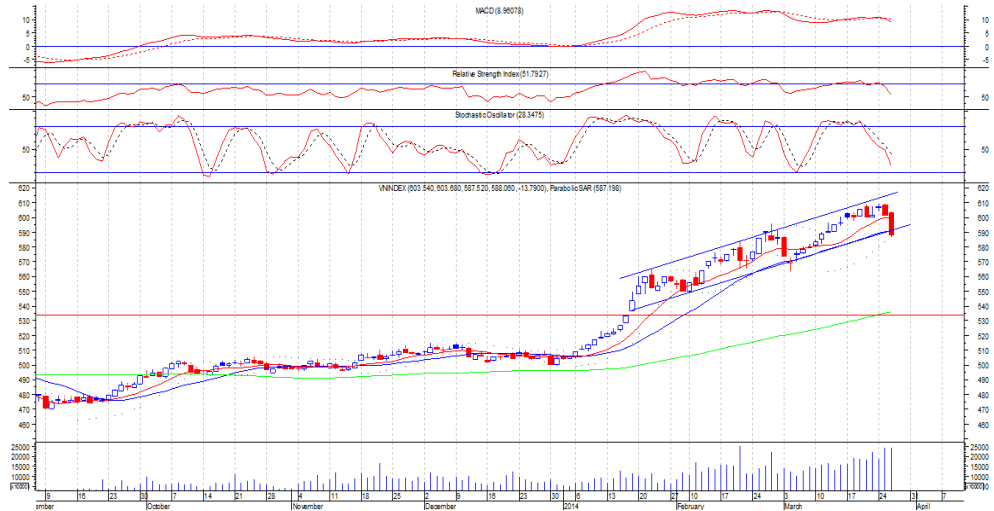
CTCP Thực phẩm Sao Ta (HOSE: FMC) công bố tài liệu ĐHCĐ thường niên sẽ tổ chức sắp tới vào ngày 11/4/2014. Theo đó, FLC đặt kế hoạch 350 tỷ đồng lợi nhuận năm 2014. So với kết quả thực hiện năm 2013, là 1,747 tỷ đồng doanh thu, 135.2 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, đây là kế hoạch kinh doanh tăng trưởng vượt trội của FLC. Ngoài ra, về kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2013, HĐQT cũng thống nhất trình ĐHCĐ thông qua mức chi trả cổ tức năm 2013 với tỷ lệ dự kiến 10% bằng tiền mặt.

CTCP Xây dựng Số 9 (HNX: VC9) công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014. Cụ thể, năm 2014, VC9 đề ra kế hoạch kinh doanh hợp nhất gồm 784.7 tỷ đồng doanh thu thuần, giảm 9%; song lợi nhuận sau thuế lại tăng 41%, dự kiến đạt 14.3 tỷ đồng. Cũng trong năm nay, công ty sẽ tăng thu hồi dòng tiền từ kinh doanh bất động sản tồn kho và thu hồi công nợ xây lắp. Được biết, năm 2013, công ty đạt tổng doanh thu 860.3 tỷ đồng; lợi nhuận đạt được là 10 tỷ đồng. So với kế hoạch, VC9 đã thực hiện vượt 13% kế hoạch doanh thu thuần và chỉ đạt 66% kế hoạch lợi nhuận sau thuế.

Sau kiểm toán, lợi nhuận của CTCP Bóng đèn Điện Quang (HOSE: DQC) đạt 121.26 tỷ đồng, thay vì 96.78 tỷ đồng. Theo đó, doanh thu hợp nhất giảm 2.8% là do trong quá trình hợp nhất công ty sơ suất chưa loại trừ hết doanh thu trùng giữa công ty mẹ với các công ty thành viên. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ tăng 5.4%, hợp nhất tăng 19.9% và lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ tăng 25.3% là do đánh giá lại phần chênh lệch tỷ giá nợ phải thu, phải trả cũng như trong quá trình hợp nhất công ty chưa hoàn nhập khoản trích lập dự phòng nợ phải thu của công ty thành viên.

HOSE 26/03/2014 VNINDEX 588.05 -13.80 -2.29% 259,085,060 CP 4,309.56 bil VND

Lực bán tháo xuất hiện, Chỉ số 2 sàn giảm điểm mạnh
 VN-Index giảm 13.79 điểm (-2.29%), đóng cửa tại mức 588.06 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân nến dài, giảm điểm mạnh, đóng cửa ở mức thấp nhất phiên.
 - Tín hiệu MACD Histogram giảm trở lại và cắt đường tín hiệu. Điều này cho thấy tín hiệu ngắn hạn đang khá rủi ro.
 - Stochastic Oscillator sau khi đi ra khỏi vùng quá mua, tiếp tục lao dốc khá mạnh, sắp đi vào vùng quá bán.
 - RSI giảm xuống mốc 52.
 - DI+, DI- có xu hướng thu hẹp khoảng cách. Nếu DI+ cắt DI- thì rủi ro trong ngắn hạn rất cao.



HOSE Top 5 theo KLGD

ITA	0 (0.0%)	24,125,390
FLC	-1 (-6.7%)	15,373,390
HQC	-0.1 (-1.0%)	10,374,920
OGC	-0.7 (-5.0%)	7,460,010
PTL	0.3 (6.5%)	7,441,950

HOSE Top 5 theo % tăng

SJS	1.7 (6.9%)	1,827,700
BIC	1 (6.8%)	670,590
NVN	0.3 (6.8%)	76,620
VNI	0.3 (6.8%)	20,710
HSI	0.3 (6.7%)	248,000

HOSE Top 5 theo % giảm

KSS	-0.6 (-7.0%)	1,941,010
AVF	-0.6 (-6.9%)	1,744,740
GTT	-0.6 (-6.9%)	3,363,130
KAC	-0.8 (-6.9%)	1,060
CTI	-0.9 (-6.9%)	5,700

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

CTD	25,6 tỷ	384,320
HPG	24,8 tỷ	483,420
DXG	13,0 tỷ	781,790
SSI	12,0 tỷ	413,080
KDC	10,5 tỷ	169,190

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

VIC	-18,3 tỷ	243,450
DPR	-18,1 tỷ	401,390
BVH	-11,9 tỷ	257,030
ITA	-6,0 tỷ	587,940
TRC	-5,0 tỷ	127,810

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	1,291,390	46.59

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Áp lực bán tiếp tục xuất hiện khá mạnh trong phiên hôm nay, đặc biệt đà bán lan rộng ở phiên chiều. VN-Index đóng cửa ở mức thấp nhất phiên.
- ▶ Đà bán tháo xuất hiện ở rất nhiều mã, dù vậy thì lực cầu vẫn duy trì khá tốt. Khối lượng giao dịch đạt 246 triệu đơn vị, tương đương với phiên hôm qua.
- ▶ Đà giảm nhiều khả năng sẽ ít đi trong phiên tới khi thị trường đang ở mốc hỗ trợ MA20. Ngưỡng hỗ trợ mạnh nếu thị trường điều chỉnh tiếp tại vùng 576 - 580 điểm.
- ▶ Khối ngoại mua ròng nhẹ trở lại trong phiên hôm nay. Áp lực bán của khối ngoại có thể sẽ giảm dần trong thời gian tới.
- ▶ NĐT mạo hiểm có thể xem xét giải ngân vào các mã đã điều chỉnh 10 - 15% có yếu tố cơ bản tốt nếu thị trường ko tiếp tục giảm sâu và TK vẫn duy trì tốt.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	82.0	155,390.00	12.8	4.7	40.8%	25.9%
VNM	833.5	140.0	116,685.39	18.1	6.8	39.6%	30.7%
MSN	734.9	97.5	71,653.86	162.8	4.9	3.0%	1.0%
VCB	2,317.4	30.4	70,449.48	16.9	1.7	10.4%	1.0%
VIC	908.8	73.5	66,794.05	10.3	4.8	54.2%	10.3%
CTG	3,723.4	17.1	63,670.22	9.7	1.2	13.2%	1.1%
BID	2,811.2	16.8	47,228.20	11.1	1.5	13.8%	0.8%
BVH	680.5	45.4	30,893.40	29.3	2.7	9.0%	2.2%
STB	1,142.5	20.1	22,964.48	10.7	1.4	14.5%	1.4%
PVD	275.3	79.0	21,745.39	10.9	2.3	22.3%	9.3%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	16.1	3,744.86	16.6	1.4	NA	TH.DOI
PPC	318.2	23.7	7,540.26	4.7	1.4	NA	TH.DOI
PHR	78.5	31.1	2,441.04	6.7	1.1	NA	TH.DOI
BMP	45.5	79.0	3,592.80	10.1	2.5	NA	TH.DOI
VSC	28.6	69.5	1,990.90	8.6	2.3	NA	TH.DOI
DPM	379.9	43.5	16,527.14	7.6	1.8	NA	TH.DOI

HNX 26/03/2014 HNX-Index 89.79 -1.33 -1.46% 160,393,670 CP 1,839.89 bil. VND

Lực bán tháo xuất hiện, Chỉ số 2 sàn giảm điểm mạnh

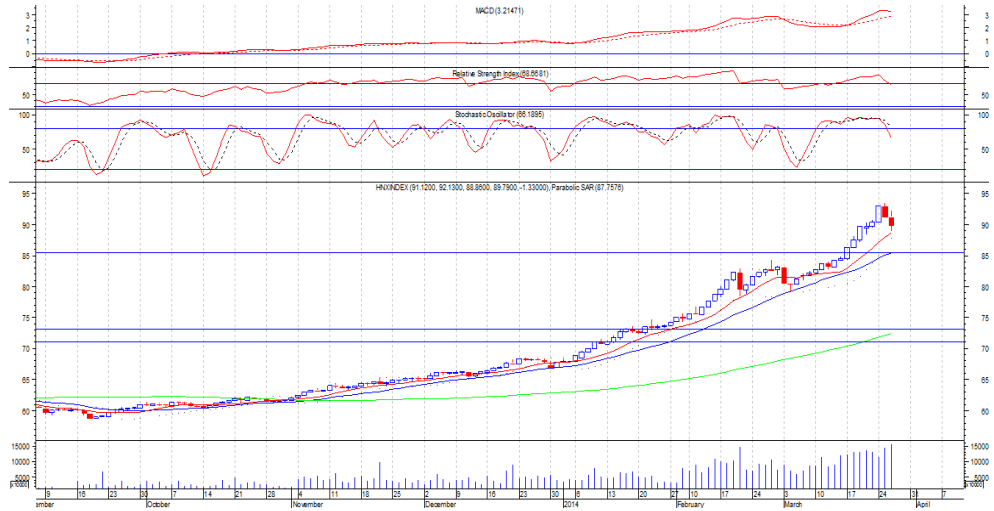
Chỉ số HNX-Index giảm 1.33 điểm (-1.46%), đóng cửa tại mốc 89.79 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ, thân nến tương đối dài, giảm điểm khá mạnh, dù cuối phiên chỉ số này thu hẹp đà giảm.

- MA10, MA20 vẫn gia tăng nhưng sẽ đóng vai trò hỗ trợ mạnh cho thị trường trong những phiên sắp tới.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator cho tín hiệu bán và lao dốc khá mạnh, đi ra khỏi vùng quá mua.

- MACD dừng đà tăng và có dấu hiệu cắt đường tín hiệu.

- RSI (14) giảm xuống mức 68.



HNX Top 5 theo KLGD

PVX	-0.5 (-7.4%)	17,471,590
SHB	0.1 (0.9%)	15,571,750
SCR	0.3 (2.5%)	13,040,930
KLS	-0.5 (-3.5%)	9,088,340
PVS	-0.9 (-2.9%)	8,356,790

HNX Top 5 theo % tăng

BHC	0.3 (10.0%)	48,300
HTP	0.7 (10.0%)	100
MIM	0.5 (10.0%)	1,500
PMS	1.1 (10.0%)	3,300
HST	1.1 (9.9%)	100

HNX Top 5 theo % giảm

BVG	-0.5 (-10.0%)	75,500
KHL	-0.6 (-10.0%)	238,300
KSQ	-0.6 (-10.0%)	316,700
ORS	-0.6 (-10.0%)	3,591,400
SJM	-0.4 (-10.0%)	281,300

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

SHB	21,9 tỷ	1,904,700
PVS	11,5 tỷ	375,000
KLS	4,3 tỷ	298,900
VCG	4,1 tỷ	253,800
PVC	1,1 tỷ	52,300

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

IVS	-1,0 tỷ	100,000
VNR	-0,3 tỷ	9,800
DXP	-0,3 tỷ	5,000
AAA	-0,3 tỷ	10,300
KHB	-0,1 tỷ	27,500

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	3,149,366	47.21

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Áp lực bán tiếp tục xuất hiện khá mạnh trong phiên hôm nay, đặc biệt đà bán lan rộng ở phiên chiều.
- ▶ Khối lượng giao dịch gia tăng mạnh và đạt 156 triệu đơn vị. Nhiều mã rơi vào trạng thái bán tháo, dù vậy thì lực cầu vẫn đang duy trì khá tốt.
- ▶ Đà điều chỉnh có thể vẫn còn hiện hữu, tuy nhiên nhiều khả năng sẽ không quá sâu khi lực cầu vẫn duy trì tốt như hiện nay.
- ▶ Khối ngoại mua ròng nhẹ trở lại trong phiên hôm nay. Áp lực bán của khối ngoại có thể sẽ giảm dần trong thời gian tới.
- ▶ NĐT mạo hiểm có thể xem xét giải ngân vào các mã đã điều chỉnh 10 - 15% có yếu tố cơ bản tốt nếu thị trường ko tiếp tục giảm sâu và TK vẫn duy trì tốt.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	921.5	17.0	15,665.76	19.5	1.3	6.6%	0.5%
PVS	446.7	30.1	13,445.68	8.7	1.7	21.0%	6.7%
SHB	886.1	11.6	10,278.57	13.5	1.0	7.6%	0.6%
SQC	110.0	78.2	8,602.00	415.6	6.4	-1.5%	-1.2%
VCG	441.7	16.5	7,288.23	13.5	1.3	10.1%	2.1%
OCH	200.0	33.9	6,780.00	37.2	3.2	8.1%	3.6%
PVI	225.4	19.8	4,463.20	13.2	0.7	5.4%	2.9%
LAS	77.8	47.7	3,712.59	8.4	2.7	34.3%	16.1%
VNR	100.8	31.6	3,186.15	9.7	1.2	12.7%	6.9%
NTP	43.3	70.1	3,037.99	10.8	2.6	24.8%	16.7%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	36.1	1,371.80	7.9	1.5	NA	TH.DOI
AAA	19.8	23.6	467.28	8.9	0.9	NA	TH.DOI
VND	96.9	16.6	1,609.15	13.6	1.4	NA	TH.DOI
NTP	43.3	70.1	3,037.99	10.8	2.6	NA	TH.DOI
LHC	2.0	65.1	130.20	3.1	1.2	NA	TH.DOI
DXP	7.9	50.5	397.69	7.5	1.8	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	71,653.86	15.35%	97.5	162.75	4.89	1,176,023	702,192	424,115
VIC	HOSE	908.8	66,794.05	14.46%	73.5	10.33	4.80	727,426	461,723	317,181
HPG	HOSE	419.1	21,581.21	11.74%	51.5	11.04	2.27	1,365,092	921,888	724,867
PVD	HOSE	275.3	21,745.39	8.68%	79.0	10.91	2.26	813,873	618,331	469,155
DPM	HOSE	379.9	16,527.14	8.01%	43.5	7.60	1.81	963,243	797,807	744,827
HAG	HOSE	718.2	19,964.70	7.98%	27.8	20.85	1.59	5,980,192	5,794,523	4,349,227
VCB	HOSE	2,317.4	70,449.48	6.11%	30.4	16.86	1.73	1,162,669	1,138,217	1,095,762
STB	HOSE	1,142.5	22,964.48	4.13%	20.1	10.67	1.41	1,947,495	1,696,010	930,200
BVH	HOSE	680.5	30,893.40	3.08%	45.4	29.31	2.65	689,850	575,834	531,237
ITA	HOSE	718.1	7,180.75	2.71%	10.0	137.17	0.93	13,588,047	12,474,945	9,377,309
HSG	HOSE	96.3	5,008.28	2.68%	52.0	9.27	2.23	303,705	320,117	338,069
GMD	HOSE	114.4	3,970.43	2.26%	34.7	29.11	0.91	758,497	548,851	526,233
PPC	HOSE	318.2	7,540.26	2.03%	23.7	4.70	1.42	1,813,579	1,362,890	1,355,220
VSH	HOSE	206.2	3,506.10	1.74%	17.0	18.27	1.41	1,632,996	1,136,267	1,145,859
CSM	HOSE	67.3	2,933.93	1.64%	43.6	8.34	2.46	1,217,559	899,416	873,851
KBC	HOSE	289.8	3,882.79	1.48%	13.4	57.07	0.97	2,080,418	1,785,353	1,490,518
DRC	HOSE	83.1	3,721.71	1.33%	44.8	10.02	2.73	518,712	436,433	424,497
PVT	HOSE	232.6	3,744.86	1.18%	16.1	16.60	1.39	3,830,810	3,313,479	2,729,398
DIG	HOSE	143.0	2,645.42	1.01%	18.5	59.74	1.15	1,129,129	959,633	970,567
OGC	HOSE	300.0	3,990.00	0.91%	13.3	39.74	1.29	5,380,012	4,486,041	2,879,209
PET	HOSE	69.8	1,515.57	0.87%	21.7	9.83	1.26	1,268,500	1,147,884	944,346

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	13,445.68	5.37%	30.1	8.69	1.69	4,816,014	3,398,692	2,697,534
VIC	HOSE	908.8	66,794.05	8.00%	73.5	10.33	4.80	727,426	461,723	317,181
VCB	HOSE	2,317.4	70,449.48	7.00%	30.4	16.86	1.73	1,162,669	1,138,217	1,095,762
BVH	HOSE	680.5	30,893.40	6.50%	45.4	29.31	2.65	689,850	575,834	531,237
DPM	HOSE	379.9	16,527.14	5.79%	43.5	7.60	1.81	963,243	797,807	744,827
STB	HOSE	1,142.5	22,964.48	4.26%	20.1	10.67	1.41	1,947,495	1,696,010	930,200
PVD	HOSE	275.3	21,745.39	3.22%	79.0	10.91	2.26	813,873	618,331	469,155
ITA	HOSE	718.1	7,180.75	3.73%	10.0	137.17	0.93	13,588,047	12,474,945	9,377,309
SHB	HNX	886.1	10,278.57	2.86%	11.6	13.46	0.99	16,617,644	13,602,652	8,865,374
PPC	HOSE	318.2	7,540.26	1.58%	23.7	4.70	1.42	1,813,579	1,362,890	1,355,220
OGC	HOSE	300.0	3,990.00	2.33%	13.3	39.74	1.29	5,380,012	4,486,041	2,879,209
GMD	HOSE	114.4	3,970.43	1.62%	34.7	29.11	0.91	758,497	548,851	526,233
MSN	HOSE	734.9	71,653.86	8.00%	97.5	162.75	4.89	1,176,023	702,192	424,115
HAG	HOSE	718.2	19,964.70	2.83%	27.8	20.85	1.59	5,980,192	5,794,523	4,349,227
DRC	HOSE	83.1	3,721.71	1.28%	44.8	10.02	2.73	518,712	436,433	424,497
VCG	HNX	441.7	7,288.23	3.58%	16.5	13.46	1.30	5,586,712	5,134,988	3,826,505
PVT	HOSE	232.6	3,744.86	2.05%	16.1	16.60	1.39	3,830,810	3,313,479	2,729,398

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	908.8	66,794.05	0.00%	73.5	10.33	4.80	727,426	461,723	317,181
MSN	HOSE	734.9	71,653.86	0.00%	97.5	162.75	4.89	1,176,023	702,192	424,115
DPM	HOSE	379.9	16,527.14	0.00%	43.5	7.60	1.81	963,243	797,807	744,827
HAG	HOSE	718.2	19,964.70	0.00%	27.8	20.85	1.59	5,980,192	5,794,523	4,349,227
VCB	HOSE	2,317.4	70,449.48	0.00%	30.4	16.86	1.73	1,162,669	1,138,217	1,095,762
STB	HOSE	1,142.5	22,964.48	0.00%	20.1	10.67	1.41	1,947,495	1,696,010	930,200
BVH	HOSE	680.5	30,893.40	0.00%	45.4	29.31	2.65	689,850	575,834	531,237
CTG	HOSE	3,723.4	63,670.22	0.00%	17.1	9.68	1.21	1,407,255	1,613,446	1,143,627
GAS	HOSE	1,895.0	155,390.00	0.00%	82.0	12.78	4.73	275,675	289,969	443,247

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Royal Bank of Scotland
MSCI Frontier Markets Index

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

19/09/2011
30/11/2007

SLCKVN
TGTTSQL

9/142
22.25 mil.

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	71,653.86	0.81%	97.5	162.75	4.89	1,176,023	702,192	424,115
VIC	HOSE	908.8	66,794.05	0.55%	73.5	10.33	4.80	727,426	461,723	317,181
DPM	HOSE	379.9	16,527.14	0.26%	43.5	7.60	1.81	963,243	797,807	744,827
VCB	HOSE	2,317.4	70,449.48	0.20%	30.4	16.86	1.73	1,162,669	1,138,217	1,095,762
STB	HOSE	1,142.5	22,964.48	0.14%	20.1	10.67	1.41	1,947,495	1,696,010	930,200
BVH	HOSE	680.5	30,893.40	0.10%	45.4	29.31	2.65	689,850	575,834	531,237

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

iShares
MSCI Frontier 100 Index

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

12/09/2012
30/11/2007

SLCKVN
TGTTSQL

6/102
519.45 mil.

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

iShares
MSCI VN Investable Market Indx

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

01/12/2010

SLCKVN
TGTTSQL

4,752.96 mil.

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	8,029	7.0	1.0	15.9%	10.4%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	24,322	8.2	1.9	24.3%	18.0%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,034	30.7	0.9	2.1%	1.5%
Sản xuất giấy	886	10.0	0.8	10.0%	4.9%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	34,740	17.9	1.9	17.3%	6.9%
Khai khoáng					
Khai thác than	2,112	5.1	0.9	18.6%	4.0%
Khai khoáng	12,892	47.5	4.8	3.6%	2.8%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	22,455	22.0	1.6	14.6%	8.6%
Xây dựng	35,639	- 47.4	1.4	0.3%	1.1%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,489	8.3	1.2	18.3%	9.8%
Công nghiệp phức hợp	519	5.6	1.1	20.4%	14.7%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,784	11.0	1.0	8.9%	4.7%
Thiết bị điện	2,079	- 16.2	0.8	-3.1%	-2.3%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	47	26.8	0.7	2.4%	1.6%
Máy công nghiệp	9,696	9.4	1.5	21.3%	12.8%
Vận tải					
Vận tải thủy	9,001	- 3.7	1.1	9.9%	0.8%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,013	13.2	1.6	17.0%	12.3%
Dịch vụ vận tải	5,471	10.7	1.5	15.1%	9.6%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	2,166	11.1	1.3	12.1%	4.6%
Đào tạo & Việc làm	277	64.4	0.8	3.8%	1.6%
Nhà cung cấp thiết bị	224	9.8	0.9	10.1%	4.3%
Chất thải & Môi trường	139	2.4	0.7	36.2%	17.7%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,229	24.8	1.7	17.9%	8.1%
Lốp xe	7,358	9.1	2.5	30.1%	13.7%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,507	7.7	1.2	15.7%	9.4%
Vang & Rượu mạnh	242	11.1	1.7	17.5%	12.6%
Đồ uống & giải khát	253	6.9	1.3	15.1%	10.1%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	14,493	14.2	1.3	11.2%	5.4%
Thực phẩm	215,682	24.1	5.6	24.3%	18.2%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	77	151.7	1.0	0.6%	0.5%
Thiết bị gia dụng	2,506	9.6	1.1	12.3%	5.6%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	159	4.0	1.4	30.7%	21.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,162	8.3	1.5	18.0%	7.3%
Giày dép	6	1.9	0.2	12.3%	6.3%
Hàng cá nhân	5,084	10.4	1.8	17.2%	9.3%
Thuốc lá					
Thuốc lá	755	- 6.0	1.1	-3.4%	3.0%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,028	23.7	1.1	5.1%	2.8%
Dụng cụ y tế	133	3.5	1.7	31.7%	12.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	159	10.2	1.0	10.0%	6.6%
Dược phẩm	16,782	13.5	3.6	26.7%	17.3%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	453	61.4	1.4	2.3%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	673	16.6	1.1	12.7%	8.1%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,719	10.1	1.8	20.4%	3.3%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,113	8.7	1.0	13.5%	8.8%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	151	6.6	2.8	52.7%	27.1%
Khách sạn	7,354	40.1	3.1	7.7%	3.5%
Dịch vụ giải trí	2,048	19.2	1.5	13.5%	11.7%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,279	21.6	2.4	17.0%	14.9%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	63	14.8	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	703	23.1	0.9	3.6%	1.3%
Internet	296	62.4	0.7	1.1%	0.2%
Phần mềm	19,480	12.0	2.6	23.6%	10.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	383	12.8	0.6	4.7%	1.7%
Thiết bị văn phòng	279	5.6	1.1	20.4%	14.9%
Thiết bị viễn thông	2,514	15.2	0.8	5.2%	4.0%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	23,873	7.9	1.3	18.7%	9.1%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	164,965	12.6	4.6	39.9%	25.2%
Nước	1,196	6.4	1.1	18.0%	12.8%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,352	11.2	0.9	8.1%	3.1%
Bảo hiểm phi nhân thọ	7,144	12.5	0.8	6.3%	3.3%
Tái bảo hiểm	2,904	9.7	1.2	12.7%	6.9%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	32,118	29.3	2.7	9.0%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	4,200	39.7	1.3	3.2%	0.9%
Môi giới chứng khoán	28,445	26.5	1.6	6.8%	5.0%
Ngân hàng					
Ngân hàng	276,828	12.4	1.4	11.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	157,624	16.2	3.1	27.9%	6.0%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	6	185.9	0.6	0.3%	0.1%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	37,991	10.0	2.0	21.3%	8.1%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.